

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUYÊN HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày: 17 - 11 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Xuân Phẫu và bà Trần Thị Phúc Tuệ

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quang Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Quang Phú - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T

Địa chỉ: Số 02 Kiệt 144 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình – Có mặt.

Bị đơn: Bà Hà Thị C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Thanh T

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa phía nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Bà và bà Hà Thị C có mối quan hệ quen biết vì cùng buôn bán ở chợ, vì vậy bà C đã vay của bà tổng cộng 3 lần với số tiền 150.000.000

đồng. Cụ thể: Lần thứ nhất vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 7/7/2019 (âm lịch) hẹn đến ngày 07/10/2019 (âm lịch) sẽ trả; Lần thứ hai vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 09/8/2019 (âm lịch) hẹn đến ngày 19/11/2019 (âm lịch) sẽ trả. Lần thứ ba vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 15/8/2019 (âm lịch) hẹn đến ngày 25/11/2019 (âm lịch) sẽ trả. Khi vay hai bên có thỏa thuận với nhau về việc trả lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng. Hết thời gian trả nợ bà C không thực hiện nghĩa vụ mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà C và ông T (chồng bà C) phải liên đới trả cho bà số nợ gốc 150.000.000 đồng. Về phần lãi không yêu cầu bà châu phải trả lãi kể từ thời điểm bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng sau ngày xét xử sơ thẩm thì bà yêu cầu bà C trả lãi mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Thế T đề nghị Tòa án thu thập các tài liệu chứng cứ về tài sản của ông Hà Thanh T và bà Hà Thị C, trong đó có tài sản liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 202001533 ngày 17/7/2020 giữa ông T, bà C với Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tuyên Hóa.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Hà Thị C trình bày: Trong thời gian buôn bán tại chợ C, xã T bà có cầm sổ sách ghi chép chơi Hụi tại chợ. Lúc đó bà Phan Thị N cũng là người buôn bán tại chợ và bà N có ý định gửi tiền vào dây Hụi để lấy lãi. Đến ngày 07/7/2019 (âm lịch) bà N đem tiền cho bà để nộp vào chơi hụi với số tiền 30.000.000 đồng hẹn đến ngày 07/10/2019 (âm lịch) bà sẽ trả cho bà N cả gốc và lãi là 50.000.000 đồng. Lần thứ hai ngày 09/8/2019 (âm lịch) bà N tiếp tục đưa thêm cho bà 30.000.000 đồng hẹn đến ngày 19/11/2019 (âm lịch) bà sẽ trả cho bà N cả gốc và lãi là 50.000.000 đồng. Lần thứ ba ngày 15/8/2019 (âm lịch) bà N tiếp tục đưa thêm cho bà 30.000.000 đồng hẹn đến ngày 25/11/2019 (âm lịch) bà sẽ trả cho bà N cả gốc và lãi là 50.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bà N đưa cho bà là 90.000.000 đồng. Bản thân bà sau khi nhận tiền từ bà N đã bỏ vào các dây Hụi, còn thực tế bà không vay tiền của bà N. Vì vậy nay bà N yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà chỉ thừa nhận nợ của bà N 90.000.000 đồng và bà sẽ trả nợ dần hàng tháng cho bà N.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2020 ông Hà Thanh T trình bày: Quá trình bà C (vợ) và bà Phan Thị N vay mượn tiền của nhau ông không được biết, ông cũng không nghe bà C nói lại, vì vậy ông không biết giữa hai người đã vay số tiền bao nhiêu, vào thời gian nào, vay bao nhiêu lần và hình thức trả nợ cũng như thời gian trả nợ ông cũng không biết. Vì vậy ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo quyền lợi của đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hà Thị C có nghĩa vụ trả nợ cho bà nguyên đơn số nợ gốc 150.000.000 đồng và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Quá trình giải quyết vụ án theo lời khai của các bên đương sự và chứng cứ thể hiện, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019 giữa bà Phan Thị N và bà Hà Thị C đã xác lập quan hệ dân sự về việc vay, mượn tiền có lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng không có nội dung thỏa thuận về lãi suất. Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận thì bà C không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, mặc dù phía bà N đã nhiều lần yêu cầu. Bà C có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T. Nên xác định đây là quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa các bên đương sự đã thống nhất với nhau về việc có xác lập quan hệ về việc vay tài sản. Tuy nhiên không thống nhất được về số tiền vay, vấn đề này Hội đồng xét xử thấy: Phía nguyên đơn khẳng định đã cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng (ba lần vay, mỗi lần 50.000.000 đồng) là phù hợp với tài liệu chứng cứ, nên không buộc nguyên đơn phải chứng minh. Phía bị đơn cũng thừa nhận nội dung số tiền trong các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ viết của bị đơn, việc bị đơn cho rằng số tiền 50.000.000 đồng của mỗi lần vay mà bị đơn đã ghi trong giấy vay bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 tương ứng với thời gian vay là 03 tháng, để cho rằng số tiền nợ gốc mà bị đơn vay của nguyên đơn qua ba lần vay là 90.000.000 đồng, nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản số tiền 150.000.000 đồng của nguyên đơn là có cơ sở, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất kể từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thỏa thuận lãi suất chậm trả. Vì vậy kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Theo tài liệu chứng cứ các giấy vay tiền mà các bên đã xác lập thể hiện bên vay là bà Hà Thị C và bên cho vay là bà Phan Thị N. Quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, ông Hà Thanh T (chồng bà C) khẳng định ông hoàn toàn không biết việc vay tiền giữa bà C (vợ của ông) với bà Phan Thị N. Vì vậy cần buộc một mình bà Hà Thị C có trách nhiệm trả nợ cho bà Phan Thị N là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hà Thị C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N.

Buộc bà Hà Thị C phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị N số tiền nợ gốc 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hà Thị C phải chịu 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên lai số 0007932 ngày 22/7/2020.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt, hoặc kể từ ngày nhận được bản án đối với người vắng mặt.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q.Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Hữu Tình**